

Số: 23/2021/QĐST-HNGĐ

Lục Ngạn, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 496/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Ln, Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Chu Văn C**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Ln, Bắc Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị T và anh Chu Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Chu Văn C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Chu Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Chu Thị Thanh T, sinh ngày 17/5/2016 và cháu Chu Thị Tâm N, sinh ngày 14/9/2019. Chị Vi Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh C với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/1 tháng cho hai con chung (mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Chu Thị Thanh T và cháu Chu Thị Tâm N đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị T được quyền đi lại thăm nom hai con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Chu Thị T và anh Chu Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó có 150.000 đồng án phí giải quyết việc ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0001734 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Biên, huyện LN; tỉnh Bắc Giang;
- Lưu h/s.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Như

